80' 106

TẬP ĐOÀN **HOÁ CHẤT VIỆT NAM** Số: 1503 /HCVN-TCKT V/v báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024*

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tập đoàn) kính báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban), Bộ Tài chính các báo cáo tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Tập đoàn, trong đó:

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 (gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất): Tập đoàn đã gửi Ủy ban, Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước kèm theo Văn bản số 1418/HCVN-TCKT ngày 14 tháng 8 năm 2024;
- Gửi dữ liệu các Báo cáo lên Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước (Hệ thống MIS tại địa chỉ trang thông tin điện tử http://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn): Tập đoàn đã gửi dữ liệu báo cáo tài chính, các Phụ lục kèm theo và đã được hệ thống MIS xác nhận.

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đơn vị thuộc Ủy ban QLVNN tại DN (để b/c):
+ Vụ Công nghiệp;
+ Vụ Tổng hợp;
+ Trung tâm thông tin;
- Cục TCDN – Bộ Tài chính (để b/c);
- Đảng ủy Tập đoàn (để b/c);
- HĐTV Tập đoàn (để b/c);
- KSV Tập đoàn (e-copy);
- Lưu: VT, TCKT (02b).

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

M.S.D.N: 0100100061 - CTNHH - TẬP ĐOÀN HOÁ CHẤT VIỆT NAM - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú

Công ty:CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
Kỳ:6 tháng năm 2024

DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	**110**		**9.202.219.597.539**	**9.575.336.627.291**
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111		55.520.724.617	-361.483.128.272
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112			
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	**120**		**0**	**569.624.976.270**
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121		0	569.624.976.270
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122			
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	**130**			
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131			
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại	132			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	**140**		**0**	**0**
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141		0	0
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142			
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143			
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144			
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	**150**			
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151			
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152			
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153			
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154			
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155			
6. Nợ phải trả quá hạn	**156**		**0**	**1.619.880.139.151**
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	**157**		**-175.206.165.568**	**-175.967.304.968**
8. Vốn điều lệ	**200**		13.718.000.000.000	13.718.000.000.000
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	**300**		**3.041.698.408**	**3.246.096.409**
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310		3.041.698.408	3.246.096.409
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330			
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350			
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	**351**		4.031.745.226	3.468.168.731
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352			
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	**360**		-176.196.212.386	-176.189.377.290
12. Tổng quỹ lương	**622**		14.900.600.000	14.355.000.000
13. Số lao động bình quân (người)	**610**		148	150
14. Tiền lương bình quân người/năm	623		100.679.730	95.700.000

Công ty:Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam
Kỳ:6 tháng năm 2024

DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	**110**		**505.875.943.301**	**465.295.706.157**
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111		39.766.428.512	-36.422.675.315
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112			
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	**120**		**7.957.937.549.336**	**11.721.271.023.606**
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121		7.896.432.545.189	11.703.974.073.006
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122		61.505.004.147	17.296.950.600
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	**130**			
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131			
lại	132			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	**140**		**4.205.693.854.895**	**1.639.103.837.653**
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141		4.049.341.368.812	1.477.402.182.164
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142			
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143		26.787.436.983	43.225.105.389
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144		129.565.049.100	118.476.550.100
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	**150**			
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151			
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152			
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153			
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154			
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155			
6. Nợ phải trả quá hạn	**156**		**1.700.694.178.509**	**9.845.794.407.366**
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	**157**		**276.217.133.182**	**63.737.164.047**
8. Vốn điều lệ	**200**		13.718.000.000.000	13.718.000.000.000
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	**300**		**994.363.878.182**	**892.536.902.617**
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310		935.756.681.052	841.394.551.939
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330		58.607.197.130	51.142.350.678
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350			
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	**351**		**1.088.513.362.692**	**857.228.984.378**
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352			
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	**360**		**182.067.648.672**	**99.045.082.286**
12. Tổng quỹ lương	622		1.370.269.000.000	1.351.685.000.000
13. Số lao động bình quân (người)	610		17.745	18.680
14. Tiền lương bình quân người/năm	623		77.220.006	72.360.011